

| | | |
|--|---|---------------------------|
| Ban Quản lý các khu công nghiệp | QUY TRÌNH Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư | Mã hiệu: QT-ĐT-08.11 |
| | | Ngày ban hành: 16/07/2019 |

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
 - 5.1 Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính;
 - 5.2 Thành phần hồ sơ;
 - 5.3 Số lượng hồ sơ;
 - 5.4 Thời gian giải quyết;
 - 5.5 Nơi tiếp nhận và trả kết quả;
 - 5.6 Phí, lệ phí;
 - 5.7 Quy trình xử lý công việc.
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

| Trách nhiệm | Soạn thảo | Soát xét | Phê duyệt |
|--------------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Chức vụ | Trưởng phòng | Trưởng phòng | Trưởng Ban |
| Chữ ký | | | |
| Họ tên | Nguyễn Thúy Hằng | Nguyễn Thúy Hằng | Phạm Minh Phương |

| | | |
|--|---|---------------------------|
| Ban Quản lý các khu công nghiệp | QUY TRÌNH | Mã hiệu: QT-ĐT-08.11 |
| | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư | Ngày ban hành: 16/07/2019 |

1. MỤC ĐÍCH

Quy định trình tự tiếp nhận và cách thức thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư.

2. PHẠM VI

- Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân đề nghị thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư.
- Áp dụng đối với các cán bộ, công chức thuộc Ban Quản lý các khu công nghiệp.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.
- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014.
- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.
- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.
- Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ Quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.
- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.
- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ Hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ.

4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT

a. Định nghĩa

Không

b. Viết tắt

- | | |
|---------|--|
| - Ban | Ban Quản lý các khu công nghiệp |
| - LDB | Lãnh đạo Ban |
| - TTHC | Thủ tục hành chính |
| - TTHCC | Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh |
| - VP | Văn phòng |
| - PĐT | Phòng Quản lý đầu tư |
| - LDP | Lãnh đạo Phòng |
| - CV | Chuyên viên |
| - KCN | Khu công nghiệp |

| | | |
|--|---|---------------------------|
| Ban Quản lý các khu công nghiệp | QUY TRÌNH | Mã hiệu: QT-ĐT-08.11 |
| | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư | Ngày ban hành: 16/07/2019 |

- QĐCTĐT Quyết định chủ trương đầu tư
- GCNĐKĐT Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
- QT Quy trình
- BM Biểu mẫu
- TT01 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

| | | | |
|------------|--|------------------|----------------|
| 5.1 | Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính | | |
| | - Mục tiêu của dự án đầu tư không thuộc ngành nghề cấm đầu tư kinh doanh. - Đáp ứng điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài trong trường hợp mục tiêu dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đầu tư có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài. | | |
| 5.2 | Thành phần hồ sơ | Bản chính | Bản sao |
| a | Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư. | X | |
| b | Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức. | | X |
| c | Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung sau: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án. | X | |
| d | Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư. | | X |

| | | |
|--|---|---------------------------|
| Ban Quản lý các khu công nghiệp | QUY TRÌNH | Mã hiệu: QT-ĐT-08.11 |
| | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư | Ngày ban hành: 16/07/2019 |

| | | | | |
|------------|--|-------------|-----------|------------------|
| đ | Đề xuất nhu cầu sử dụng đất đối với trường hợp dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. <i>* Trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nhà đầu tư nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư.</i> | X | | |
| e | Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 32 Luật Đầu tư gồm các nội dung: Tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ, thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính. | X | | |
| g | Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC | X | | |
| 5.3 | Số lượng hồ sơ: 01 bộ | | | |
| 5.4 | Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc | | | |
| 5.5 | Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh | | | |
| 5.6 | Lệ phí: không | | | |
| 5.7 | Quy trình xử lý công việc | | | |
| TT | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả |
| B1 | - Cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới TTHCC hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công của tỉnh. - Đại diện của Ban thường trực tại TTHCC kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ: | TTHCC | ½ ngày | |

| | | |
|--|---|---------------------------|
| Ban Quản lý các khu công nghiệp | QUY TRÌNH Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư | Mã hiệu: QT-ĐT-08.11 |
| | | Ngày ban hành: 16/07/2019 |

| | | | | |
|----|---|---------------------|----------|---|
| | <p>+ Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận, gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho cá nhân, tổ chức và chuyển hồ sơ cho bưu điện để chuyển về VP Ban trong ½ ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì lập Phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ hoặc Phiếu từ chối hồ sơ nếu không đủ điều kiện.</p> | | | Mẫu số 01 và BM.HD.01 |
| B2 | VP Ban chuyển hồ sơ tới PĐT. PĐT tiếp nhận, phân công cán bộ, CV thụ lý và giải quyết hồ sơ theo quy định. Cán bộ, CV được phân công có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, dự thảo văn bản phối hợp lấy ý kiến của các phòng liên quan; trình LDP xem xét, ký duyệt. | LDP; Cán bộ, CV PĐT | ½ ngày | BM.HD.01 |
| B3 | Các phòng liên quan phối hợp cho ý kiến về hồ sơ của cá nhân, tổ chức. | Các phòng liên quan | 02 ngày | Văn bản phối hợp cho ý kiến BM.HD.01 |
| B4 | Sau khi nhận được ý kiến phối hợp của các phòng liên quan, cán bộ, chuyên viên thực hiện: - Trường hợp 01: Nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì dự thảo văn bản gửi cá nhân, tổ chức nêu rõ lý do từ chối thụ lý hồ sơ; trình LDP xem xét. - Trường hợp 02: Nếu hồ sơ chưa đủ điều kiện thì dự thảo văn bản đề nghị cá nhân, tổ chức sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ; trình LDP xem xét. - Trường hợp 03: Nếu hồ sơ đủ điều | LDP; cán bộ, CV PĐT | 9,5 ngày | Văn bản/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư BM.HD.01 BM.HD.03 |

| | | |
|--|---|---------------------------|
| Ban Quản lý các khu công nghiệp | QUY TRÌNH | Mã hiệu: QT-ĐT-08.11 |
| | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư | Ngày ban hành: 16/07/2019 |

| | | | | |
|----|--|------------------|---------|--|
| | kiện thì dự thảo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; trình LDB xem xét. | | | |
| B6 | Sau khi nhận được văn bản/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự thảo kèm theo hồ sơ của cá nhân, tổ chức từ cán bộ, CV, LDP xem xét: - Trường hợp 01: Nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì ký nháy văn bản từ chối, trình LDB xem xét. - Trường hợp 02: Nếu hồ sơ chưa đủ điều kiện thì ký nháy văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, trình LDB xem xét. - Trường hợp 03: Nếu hồ sơ đủ điều kiện thì ký nháy Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, trình LDB xem xét. | LDB; LDP | 02 ngày | Văn bản/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư BM.HD.01 BM.HD.03 |
| B7 | Sau khi nhận được văn bản/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư kèm theo hồ sơ của cá nhân, tổ chức từ PDT, LDB xem xét: - Nếu đồng ý thì ký duyệt. - Nếu không đồng ý thì yêu cầu PDT thụ lý lại. | LDB | 01 ngày | Văn bản/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư BM.HD.01 |
| B8 | PDT tiếp nhận văn bản/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã được ký duyệt kèm theo hồ sơ của cá nhân, tổ chức từ LDB: - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, PDT chuyển văn bản kèm theo hồ sơ của tổ chức, cá nhân đến văn thư Ban hoàn trả theo quy định. - Nếu hồ sơ chưa đủ điều kiện, PDT chuyển văn bản đề nghị cá nhân, tổ chức sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ đến văn thư Ban phát hành | PDT, văn thư Ban | ½ ngày | Văn bản/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư BM.HD.01 BM.HD.02 BM.HD.03 |

| | | |
|--|---|---------------------------|
| Ban Quản lý các khu công nghiệp | QUY TRÌNH Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư | Mã hiệu: QT-ĐT-08.11 |
| | | Ngày ban hành: 16/07/2019 |

| | | | | |
|-----|---|---------------|-----------------------------|----------|
| | theo quy định. - Nếu hồ sơ đủ điều kiện, PĐT chuyển Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đến văn thư Ban phát hành theo quy định. Đồng thời, tiếp nhận hồ sơ, tài liệu từ LDB, vào sổ theo dõi và lưu trữ theo quy định. | | | |
| B11 | TTHCC tiếp nhận kết quả giải quyết từ nhân viên bưu điện, kiểm tra và chuyển đến đại diện của Ban thường trực tại TTHCC để trả cho cá nhân, tổ chức theo quy định. | TTHCC | Không tính thời gian | BM.HD.01 |
| B12 | CV có trách nhiệm thống kê các TTHC thực hiện tại đơn vị vào Sổ thống kê kết quả thực hiện TTHC | CV PĐT | Không tính thời gian | BM.HD.04 |

6. BIỂU MẪU

| TT | Mã hiệu | Tên Biểu mẫu |
|----|----------|---|
| 1. | Mẫu I.1 | Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT |
| 2. | Mẫu I.3 | Đề xuất dự án đầu tư theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT |
| 3. | BM.HD.01 | Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ |
| 4. | BM.HD.02 | Thư xin lỗi |
| 5. | BM.HD.03 | Văn bản trả lời giải quyết TTHC |
| 6. | BM.HD.04 | Phiếu thống kê và theo dõi TTHC |

7. HỒ SƠ CẦN LƯU

| TT | Hồ sơ lưu | Trách nhiệm lưu | Thời gian lưu | Hình thức lưu |
|----|--|-----------------|-----------------------------------|----------------------------|
| 1. | Hồ sơ đầu vào: Thành phần hồ sơ theo mục 5.2 | PĐT | Theo thời hạn hoạt động của dự án | Bản cứng/File scan điện tử |
| 2. | Kết quả thực hiện TTHC: Giấy | PĐT | Theo thời hạn | Bản cứng |

| | | |
|--|---|---------------------------|
| Ban Quản lý các khu công nghiệp | QUY TRÌNH Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư | Mã hiệu: QT-ĐT-08.11 |
| | | Ngày ban hành: 16/07/2019 |

| | | | | |
|--|---------------------------|--|---------------------|--|
| | chứng nhận đăng ký đầu tư | | hoạt động của dự án | |
|--|---------------------------|--|---------------------|--|

Hồ sơ được lưu trực tiếp tại PDT theo thời hạn hoạt động của dự án trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống đơn vị lưu trữ của cơ quan và lưu trữ theo quy định hiện hành.